

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2018/HS-ST
Ngày: 24 - 5 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA -TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông La Văn Việt.

Bà Trần Thị Kim Hoa.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Đỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2018/TLST- HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Ấp 2, xã H, huyện Đ, tỉnh L; nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: lớp 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ; tiền án: vào ngày 04/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 05/02/2017; tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ từ ngày 08/02/2018 cho đến nay (Có mặt)

- Bị hại: Ông Trương Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L

(Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện Đ, tỉnh L (Có mặt)

2. Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L (Vắng mặt).

3. Anh Võ Thanh H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 5 giờ ngày 28/10/2017, sau khi điều khiển xe mô tô biển số 62H8 - 8744 chở mẹ là Nguyễn Thị Thanh T đến ngã tư Đ để đón xe đi làm, Nguyễn Hoàng T trở về nhà tại ấp 2, xã H, huyện Đ, tỉnh L. Trên đường về, đến đoạn đường thuộc khu vực ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L thì thấy công trình xây dựng khu dân cư T không có người nên Nguyễn Thanh T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Khi đến công trình, T để xe cặp đường rồi đi bộ vào bên trong lấy trộm 05 chân giàn giáo dùng làm dụng cụ xây dựng đem ra ngoài để cạnh xe mô tô của T định chở đi tiêu thụ thì bị anh Trương Văn T là người quản lý công trình phát hiện bắt quả tang và thu giữ tang vật gồm: 01 xe mô tô biển số 62H8-8744, số khung HC09073Y-412.550, số máy HC 09E-04112640 và 05 chân giàn giáo bằng sắt (1,8m x 1,3m) màu đỏ.

Tại bản kết luận định giá số 64/KL.ĐGTS ngày 03/11/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh L thì 05 chân giàn giáo có giá trị là 924.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 48/CT-VKSĐH ngày 24 tháng 4 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh L truy tố Nguyễn Hoàng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Sau khi xem xét đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hoàng T, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh L đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T với mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình là do cần có tiền tiêu xài nên vào ngày 28/10/2017, sau khi đưa bà T đi làm, trên đường về Nguyễn Hoàng T đến Công trình xây dựng khu dân cư T lấy trộm 05 chân giò giò để bán lấy tiền tiêu xài, vừa lấy xong thì bị ông Trương Văn T phát hiện và bắt quả tang. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh T là 924.000 đồng.

Lời khai nhận này của bị cáo Nguyễn Hoàng T phù hợp với những chứng cứ khách quan do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thu thập như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 28/10/2017; Biên bản xác định vật chứng ngày 28/10/2018; Biên bản ghi lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng như lời khai người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

[4] Giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Hoàng T chiếm đoạt của ông Trương Văn T là 924.000 đồng nhưng do bị cáo đã có tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa xóa án tích nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm là có căn cứ và đúng pháp luật.

Mặc dù bị cáo phạm tội khi Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực nhưng căn cứ vào Nghị quyết 41 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

[5] Hành vi do bị cáo Nguyễn Hoàng T gây ra không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của ông Trương Văn T được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo biết rõ xâm phạm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện chỉ vì lợi ích nhằm thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân của mình. Từ đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Trộm cắp tài sản” nên bị cáo phải được xử lý nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Hoàng T có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Do hành vi của bị cáo có tính chất nguy hiểm cho xã hội nên cũng cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo thành người tốt và phòng ngừa chung cho những người khác.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T là có căn cứ nhưng về mức hình phạt, xét thấy giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là dưới mức định lượng để truy tố nếu bị cáo không có

tiền án, do đó mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị từ 09 – 12 tháng tù là nặng so với hành vi của bị cáo.

[9] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, ông Trương Văn T là bị hại vắng mặt nhưng có lời khai đã nhận lại tài sản xong, không yêu cầu gì đối với bị cáo. Đối với chiếc xe mô tô biển số 62H8-8744 có nguồn gốc là xe của ông Võ Thanh H đứng tên giấy đăng ký đã bán lại cho Nguyễn Đức A (Cửa hàng xe gắn máy Thanh T), sau đó Đức A bán lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T chưa sang tên là tài sản hợp pháp của bà T nên bà T có yêu cầu được nhận lại là có cơ sở.

[10] Án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 08/02/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hoàng T 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T 01 chiếc xe Mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn đỏ, biển số 62H8-8744, số khung RLHHC09073Y- 412550, số máy HC09E – 0412640.

(Do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ tạm giữ theo “Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản” ngày 26/4/2018).

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

4. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- Công an huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Bị cáo và người TGTT khác;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Dương Thị Kim Thanh